

Bản án số: **150/2021/KDTM-PT**
Ngày 19/7/2021
V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
theo hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Linh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 14 và 19/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 205/2020/TLPT-KDTM ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 259/2021/QĐ-PT ngày 11/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2021/QĐ-PT ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty P

Địa chỉ: phố N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: đường C, phường P, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị N – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Mạnh B – Trưởng phòng pháp chế; có mặt

2. Bà Đỗ Thanh T – Nhân viên pháp chế; có mặt

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2021/UQ ngày 24/5/2021 và Văn bản số 14/2021/CV ngày 02/7/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khắc B, Luật sư của Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt

-Bị đơn:

1. Công ty T

Địa chỉ: phố H, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Minh T – Chủ tịch hội đồng quản trị và ông Hồ Tuấn S - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đình Đ – Phó Tổng giám đốc; Ông Hoàng Mạnh H – Phụ trách pháp chế; Ông Phạm Văn H – Phó giám đốc Ban KHKT; Ông Nguyễn Văn P – Cán bộ Ban tài chính kế toán (Theo Giấy ủy quyền số 891/UQ ngày 20/11/2020); ông H có mặt

2. Công ty X

Địa chỉ: đường N, phường T, quận N, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T – Giám đốc. HKTT: phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Địa chỉ: quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16.7.2012, Công ty P đã ký hợp đồng kinh tế số 33/2012/HĐKT và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/8/2012, phụ lục hợp đồng số 02 ngày 08/9/2012 với Công ty T và Công ty X về việc mua bán thép xây dựng gói thầu PK2 với giá trị hợp đồng là: 1.728.810.820 đồng. Công ty P đã thực hiện hợp đồng bàn giao toàn bộ lượng thép cho Công ty X, Công ty X đã thanh toán cho Công ty P số tiền: 1.270.000.000 đồng, số tiền còn thiếu là: 458.810.820 đồng.

Nay Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty X và Công ty T phải thanh toán trả Công ty P tiền gốc còn thiếu là: 458.810.820 đồng và tiền lãi đối với toàn bộ số tiền chậm thanh toán tính đến ngày 13/01/2020 là: 330.540.860 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn:

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là: Công ty X và Công ty T nhưng bị đơn không đến Tòa làm việc, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã xử:

Áp dụng các điều 24; 50; 55; 319 Luật thương mại; Điều 77, Điều 116 Luật doanh nghiệp.

Áp dụng Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu thực hiện thanh toán theo hợp đồng của Công ty P đối với Công ty T.

Buộc Công ty T phải thanh toán tổng số tiền nợ cho Công ty P là: 779.351.680 đồng (Bảy trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi đồng); Trong đó: Số tiền nợ gốc là: 458.810.820 và số tiền lãi tính đến ngày 13/01/2020 là: 320.540.860 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc Công ty X phải nộp: 17.587.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Công ty T phải nộp 17.587.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại Công ty P số tiền: 14.342.000 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08198 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

3. Án xử công khai sơ thẩm: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: Từ sau khi cổ phần hóa năm 2013 thì Công ty X không còn là thành viên của Công ty T theo Quyết định cổ phần hóa. Công ty X và Công ty T là hai pháp nhân độc lập, tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình và nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập. Công ty T không tham gia phiên tòa sơ thẩm vì không được biết và không nhận được giấy triệu tập đến Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu khởi kiện để xem xét đình chỉ giải quyết vụ án; Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và xem xét giải quyết theo hướng bỏ tư cách bị đơn của Công ty T; Trong trường hợp không đủ cơ sở để đình chỉ giải quyết vụ án và không đủ cơ sở để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm thì đề nghị xem xét lại khách quan toàn diện vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Công ty P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P và bác toàn bộ kháng cáo của Công ty T.

Công ty T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Công ty T đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ. Công ty T và Công ty X đều phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty P vì mặc dù Công ty T và Công ty X đã được cổ phần hóa nhưng phải có trách nhiệm đối với các khoản nợ trước thời điểm cổ phần hóa. Án sơ thẩm xác định số tiền gốc là đúng. Đối với số tiền lãi: Căn cứ Điều 305 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 9% là không trái quy định của pháp luật, đối với thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán cần xác định lại cho đúng với hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty T, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công

khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty T được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty P với Công ty T và Công ty X phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 33/2012/HĐKT ngày 16/7/2012 và các phụ lục hợp đồng, được xác lập bởi các chủ thể có đăng ký kinh doanh và có mục đích sinh lợi, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Về thẩm quyền giải quyết: Trong hợp đồng, các bên thỏa thuận: “Nếu hai bên thương lượng, hòa giải không thành sẽ đưa vụ việc tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền (Tòa án có thẩm quyền nơi nguyên đơn có trụ sở chính) để giải quyết”. Nguyên đơn Công ty P có địa chỉ tại số phường N, quận T, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ vào hồ sơ pháp nhân của Công ty T và Công ty X xác định là hai tổ chức kinh tế có đầy đủ tư cách pháp nhân và độc lập tham gia trong các giao dịch dân sự, tự chịu trách nhiệm trong các quan hệ dân sự do mình thiết lập và căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 33/2012/HĐKT ngày 16/7/2012 về việc mua bán thép xây dựng gói thầu PK2 và các phụ lục hợp đồng kinh tế số 01 ngày 02/8/2012 và số 02 ngày 08/9/2012, đã xác định rõ chủ thể tham gia ký kết hợp đồng gồm: Bên A: Công ty T, A1: Công ty X, A2: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng Cầu 75, A3: Ban điều hành dự án PK2 – Công ty T; Bên B: Công ty P. Các bên đã thỏa thuận về thanh toán: ***Bên A (Công ty T) sẽ thanh toán cho Bên B (Công ty P) 100% giá trị tiền lô hàng ...và căn cứ Công văn cam kết thanh toán số 232/CVSD ngày 15/4/2013 của Ban điều hành dự án xây dựng quốc lộ 3 mới - gói thầu PK2 (là đơn vị đại diện của Công ty T), Công văn số 1507 ngày 02/7/2014 của Công ty T, Công văn số 5036/BGTVT-CQLXD ngày 21/4/2015 của Bộ giao thông vận tải và Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung: Án sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty T và Công ty X là đồng bị đơn và phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty P là đúng.***

Ngày 02/01/2016 giữa Công ty X với Công ty P đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác định đến hết ngày 31/12/2015 Công ty X còn nợ Công ty P số tiền 458.810.820 đồng. Công ty P nộp đơn khởi kiện vào ngày 07/3/2017 nên căn cứ Điều 319 của Luật thương mại, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

Căn cứ vào hợp đồng số 33/2012/HĐKT ngày 16/7/2012 và các phụ lục hợp đồng số 01 ngày 02/8/2012 và phụ lục số 02 ngày 08/9/2012 giữa Công ty P với Công ty T và Công ty X về việc mua bán thép xây dựng gói thầu PK2 thuộc dự án xây dựng quốc lộ 3 mới Hà Nội – Thái Nguyên với giá trị hợp đồng là 1.728.810.820 đồng. Công ty P đã bàn giao toàn bộ lượng thép cho bên mua là Công ty X và Công ty X đã thanh toán 1.270.000.000 đồng, còn nợ gốc là 458.810.820 đồng.

Trong các phụ lục hợp đồng số 01, 02 các bên đã điều chỉnh lại điều khoản thanh toán tại Điều 2: Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị tiền lô hàng sau 10 ngày cấp hàng và sau khi bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ.... Án sơ thẩm căn cứ vào ngày 18/4/2013 là ngày nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng để làm căn cứ xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 320.540.860 đồng là chưa chính xác.

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xác định được ngày cung cấp hóa đơn chứng từ...cho bị đơn để đề nghị thanh toán số tiền hàng đã giao, nên căn cứ vào Công văn số 1507 ngày 02/07/2014 của Công ty T xác nhận: Ngày 27/01/2014 Công ty T đã trích từ nguồn thanh toán dự án PK2 để chi trả cho Công ty P 300.000.000 đồng và xác nhận còn nợ Công ty P số tiền 458.810.820 đồng, nên xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán đối với số tiền 458.810.820 đồng tính từ ngày 28/01/2014 cùng với mức lãi suất 9%/năm (thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán) nên sửa lại phần này của án sơ thẩm. Số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn do vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán là 246.174.002 đồng.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: *“Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.”* là không đúng với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, nên sửa lại.

Về án phí sơ thẩm: Do Công ty T và Công ty X có nghĩa vụ liên đới thanh toán nên Công ty T và Công ty X cùng phải liên đới chịu án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm. Quyết định của án sơ thẩm buộc mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán là không đúng, nên sửa lại. Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 Luật thương mại;

Áp dụng Điều 77; Điều 116 Luật Doanh nghiệp

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

-Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty T

-Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

1. Chấp nhận một phần yêu cầu thực hiện thanh toán theo hợp đồng của Công ty P đối với Công ty T.

Buộc Công ty T có nghĩa vụ liên đới phải thanh toán cho Công ty P số tiền:

- Nợ gốc: 458.810.820 đồng

- Nợ lãi: 246.174.002 đồng

Tổng là: 704.984.822 đồng

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

-Công ty T có nghĩa vụ liên đới phải nộp 32.199.392 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

-Công ty P phải nộp 3.718.342 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đối trừ 14.342.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/08198 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên được trả lại 10.623.658 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty T số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006972 ngày 03/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Thanh Xuân, tp Hà Nội;
- TAND quận Thanh Xuân, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn